

VỀ VẤN ĐỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC NGUỒN TIN KHOA HỌC NỘI SINH

TRẦN MẠNH TUẤN^(*)

*Tại các tổ chức nghiên cứu và đào tạo, nguồn tin khoa học là loại nguyên liệu đặc biệt và cần thiết để triển khai các hoạt động của mình. Nguồn tin được hình thành từ bên ngoài thông qua các hình thức bổ sung khác nhau (mua bán, trao đổi, biếu tặng...) và nguồn tin khoa học được các thành viên thuộc tổ chức đó tạo ra trong quá trình hoạt động của mình- nguồn tin khoa học nội sinh (NTKHNS). Việc xây dựng và phát triển bộ sưu tập là nguồn tin khoa học nội sinh chủ yếu được thực hiện thông qua **chính sách quản lý khoa học** của mỗi tổ chức.*

*Trong bài viết này, thuật ngữ **nguồn tin khoa học nội sinh** của một tổ chức (thông thường là trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo) được hiểu là tập hợp các thông tin được tạo nên bởi các hoạt động khoa học của chính tổ chức đó. Bài viết tập trung làm rõ nội dung của thuật ngữ này; nêu lên thực trạng quản lý, khai thác NTKHNS thuộc Viện KHXH Việt Nam và đề xuất một số ý kiến về vấn đề này.*

I. Mỗi tổ chức nghiên cứu, đào tạo, tùy thuộc vào tính chất hoạt động của mình mà tạo ra các nguồn tin khoa học khác nhau. Vì thế NTKHNS cũng hết sức đa dạng, phong phú.

Dựa theo loại hình hoạt động, có thể chia NTKHNS thành các loại sau:

1. Nhóm I. Báo cáo triển khai/Thuyết minh các đề án/dự án (Project Outline) (TMĐTNC).

2. Nhóm II. Báo cáo kết quả nghiên cứu. Bản thảo các đề tài khoa học (tài liệu dạng pre-print) (BCKQNC).

3. Nhóm III. Luận án, luận văn các cấp (Thesis) (LA).

4. Nhóm IV. Báo cáo khoa học, Kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học (Reports/ Proceedings) (KY).

5. Nhóm V. Tư liệu điều tra cơ bản, tư liệu điền dã (Survey/ field work) (nguồn tin ĐTCB).

6. Nhóm VI. Tài liệu dịch, lược dịch (Translation).

7. Nhóm VII. Tài liệu tổng quan, tổng thuật, lược thuật (Overview/Obzor, Reports) (TL).

8. Nhóm VIII. Các loại sản phẩm tra cứu-chỉ dẫn thông tin: thư mục, sách dẫn, CSDL,... (Information products)

^(*) ThS. Viện Thông tin KHXH.

(SPTT). Ngoài các nhóm trên đây, NTKHNS còn có một bộ phận quan trọng là các kết quả hoạt động khoa học được thể hiện dưới dạng xuất bản phẩm các loại. Tại Viện KHXH Việt Nam, thuộc nhóm này là các công trình khoa học đã được xuất bản, do Nhà xuất bản KHXH hoặc một nhà xuất bản bất kì ấn hành; các tạp chí khoa học. Từ trước đến nay, đối với bộ phận NTKHNS là các xuất bản phẩm, việc thu thập, quản lí tại các thư viện và cơ quan thông tin được thực hiện thông qua chính sách và công tác bổ sung tài liệu. Trong thời gian gần đây, do sự phát triển rất nhanh chóng của xuất bản điện tử, cũng như các quá trình phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào các quá trình thông tin - thư viện (TT-TV) nên điều đó đã không còn đơn giản như trước đây. Vấn đề sẽ được xem xét chủ yếu ở các khía cạnh như chính sách phát triển các nguồn tin dạng số, vấn đề an toàn thông tin,...

Việc quản lí, khai thác NTKHNS dưới dạng các xuất bản phẩm sẽ có nhiều nội dung tương tự như đối với các loại xuất bản phẩm khác. Chính vì thế, các vấn đề liên quan tới nghiên cứu, khảo sát loại nguồn tin này ở dạng xuất bản phẩm sẽ không được đề cập tại đây. Đó là một giới hạn đáng lưu ý của bài viết.

Trở lại vấn đề trên, có thể thấy trên thực tế, mỗi loại hoạt động sẽ tạo ra một/một số loại nguồn tin xác định; và ngược lại, mỗi loại nguồn tin có thể được hình thành trên cơ sở một/một số loại hoạt động khác nhau: Giữa loại nguồn tin khoa học và hoạt động tạo nên chúng tuy có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, song không chỉ đơn giản là *kiểu quan hệ tương ứng 1-1*. Điều đó cho thấy

sự phân chia NTKHNS dựa theo loại hình hoạt động tạo nên chúng chỉ mang tính chất tương đối, và chủ yếu là nhằm hình thành việc quy hoạch và các giải pháp thực tế để kiểm soát NTKHNS.

Giá trị của NTKHNS được xem xét thông qua hai khía cạnh chính dưới đây.

- Là hệ thống thông tin phản ánh một cách đầy đủ, toàn diện tiềm lực, thành tựu khoa học của các tổ chức, cá nhân của chủ thể mà nó được tạo ra và phản ánh.

- Là một bộ phận quan trọng của nguồn tin được các nhà khoa học sử dụng như một nguồn nguyên liệu để triển khai các hoạt động nghiên cứu, đào tạo của mình.

Hiện tại, ở nước ta, khi nghiên cứu và tìm hiểu về hoạt động TT-TV phục vụ nghiên cứu-đào tạo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên phạm vi chung của quốc gia, người ta thường đặc biệt quan tâm tới các cơ quan sau:

- a. Thư viện Quốc gia Việt Nam (Bộ Văn hoá - Thông tin).

- b. Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ).

- c. Các Trung tâm Thông tin chuyên dạng (Bộ Khoa học và Công nghệ).

- d. Viện Thông tin KHXH và các thư viện KHXH chuyên ngành - *Hệ thống thông tin-thư viện KHXH* (Viện KHXH Việt Nam).

- e. Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và các thư viện KHTNCN (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam).

- f. Các Trung tâm TT-TV, Trung tâm học liệu tại các trường đại học (chủ yếu thuộc Bộ Giáo dục - Đào tạo).

Điểm giống nhau của các cơ quan thuộc 3 nhóm đầu (nhóm a, b và c) ở chỗ chức năng chính của những cơ quan này là lưu giữ, quản lý nguồn tin và thực hiện các dịch vụ TT-TV đối với người dùng tin là cán bộ nghiên cứu, giảng dạy. Các cơ quan này được tách rời và biệt lập về mặt tổ chức đối với các chủ thể tạo ra thông tin. Bởi thế, các cơ quan này về thực chất mang tính chất các chủ thể chỉ tiến hành các dịch vụ đối với người dùng tin. Tại đây, người ta không quan tâm nhiều tới khái niệm *NTKHNS*.

Trong khi đó, các cơ quan thuộc các nhóm d), e) và f) là những cơ quan vừa có chức năng quản lý, khai thác nguồn tin, lại vừa là một bộ phận của một hệ thống tổ chức lớn hơn, có chức năng chính là tạo lập các loại nguồn tin. Bởi vậy, khái niệm *NTKHNS* đối với các cơ quan này là vô cùng quan trọng bởi nhiều giá trị và ý nghĩa mà chúng có được. Cũng chính vì thế, vấn đề quản lý, khai thác *NTKHNS* đối với các cơ quan thuộc nhóm này luôn được đặt ra hay luôn cần được đặt ra và xem xét một cách toàn diện, hệ thống.

Phần dưới đây trình bày một số ý kiến đánh giá về vấn đề quản lý, khai thác *NTKHNS* tại Viện KHXH Việt Nam. Chúng tôi cho rằng, những ý kiến đánh giá này cũng là phù hợp đối với tình hình tại các tổ chức nghiên cứu, đào tạo khác ở nước ta.

Có thể thấy tổ chức và hoạt động của Hệ thống thông tin KHXH tuy đã có những bước phát triển đáng kể, đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng, song vẫn còn nhiều vấn đề nan giải cần được vượt qua. Một trong số các vấn đề cần đặc biệt quan tâm là công tác lưu giữ, quản lý và khai thác *NTKHNS*. Có

thể dễ dàng đưa ra nhận xét chung: công tác này hoàn toàn có thể được Hệ thống thông tin-thư viện KHXH cải thiện và nâng cao một cách rõ rệt. Bởi chỉ đơn giản, tại thời điểm hiện nay, khó có thể đưa ra được câu trả lời đầy đủ và thống nhất cho câu hỏi: Tài liệu phản ánh kết quả các loại hoạt động khoa học được các tổ chức, cá nhân nào thuộc Viện KHXH Việt Nam lưu giữ, quản lý? Người dùng tin có thể sử dụng các công cụ nào để truy cập? Phương thức và điều kiện khai thác, sử dụng nguồn tin đó như thế nào?...

Trên cơ sở phân tích thực trạng về công tác quản lý, khai thác *NTKHNS* tại Viện KHXH Việt Nam, có thể nêu lên một số vấn đề cần quan tâm sau đây:

1. Chưa xây dựng được quan điểm mang tính phương pháp luận, chi phối mọi quá trình có liên quan đến việc lưu giữ, quản lý và khai thác *NTKHNS*. Chưa xác định đây là một loại nguồn lực đặc thù phục vụ hoạt động khoa học của Viện KHXH Việt Nam nói chung; là bộ phận nguồn tin được tạo lập, phát triển và khai thác như một loại nguồn lực cho quá trình phát triển.

2. Mục tiêu đặt ra đối với việc quản lý, khai thác *NTKHNS* chưa được xác lập một cách rõ ràng. Trong trường hợp cụ thể, với mục tiêu cụ thể, thì mục tiêu đó lại chưa được hình thành theo một quy trình hợp lý dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, dựa trên nhu cầu thông tin của xã hội đối với nguồn tin này.

3. Mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành *NTKHNS* chưa được khảo sát, phân tích một cách đầy đủ, để việc quản lý, khai thác chúng bảo toàn được tính hệ thống của các quá trình có quan hệ mật thiết với nhau: quá trình nguồn tin

này được tạo ra, quá trình chúng được luân chuyển-trao đổi-phổ biến và quá trình chúng được khai thác-sử dụng.

4. Chưa xây dựng được một quy hoạch thích hợp cho việc phát triển NTKHNS. Thông thường mỗi chủ thể (cá nhân, tổ chức,...) tạo ra và trực tiếp quản lý một/một số loại nguồn tin nhất định (ví dụ chia theo cấp quản lý đề tài, loại nguồn tin được chia theo hoạt động tương ứng tạo ra,...). Chính vì thế, sự trùng lặp và sự thiếu đầy đủ của quá trình quản lý luôn xảy ra, và do đó, làm cho tính toàn vẹn của hệ thống các nguồn tin được quản lý luôn bị phá vỡ.

5. Nhiều giá trị thông tin quý báu của nguồn tin đặc biệt này chưa được nhìn nhận và khai thác hợp lý. Điều này là hệ quả trực tiếp của việc thiếu các phương pháp và phương tiện xử lý thông tin phù hợp, thiếu các nghiên cứu, khảo sát về nhu cầu của mọi nhóm người dùng tin, và do đó, thiếu sự quan tâm đến quá trình thiết kế các loại sản phẩm và dịch vụ thông tin thích hợp.

6. Chính sách và các giải pháp phát triển công tác giao nộp, quản lý và khai thác NTKHNS chưa được xây dựng trên một nền tảng khoa học sâu sắc, theo ý nghĩa các quá trình mà chúng được tạo nên sẽ góp phần quyết định tới cách thức mà chúng được các tổ chức TT-TV quản lý và khai thác.

7. Hệ thống quan điểm chính sách, đặc biệt là các chính sách liên quan đến giao nộp, quản lý và khai thác NTKHNS chưa được đặt ra trên bình diện chung, chưa được vận hành trong một môi trường pháp lý và các thông lệ quốc tế thống nhất, hợp lý và khả thi.

8. Phương thức triển khai việc giao nộp, quản lý và khai thác NTKHNS

chưa được xây dựng trên cơ sở sự phát triển hoạt động TT-TV và việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động khoa học nói chung và quá trình tạo lập các nguồn tin nói riêng.

Như vậy, để cải biến một cách đáng kể thực trạng lưu giữ, quản lý, khai thác sử dụng NTKHNS tại Viện KHXH Việt Nam, chúng ta cần tới một hệ thống các chính sách và giải pháp đồng bộ, và trên hết, công việc đó được nhìn nhận là thuộc trách nhiệm của không chỉ những người trực tiếp làm công tác thông tin-thư viện KHXH.

II. Như đã biết, việc tạo lập - lưu giữ, quản lý - khai thác, sử dụng thông tin trong các điều kiện cụ thể hiện nay là rất phức tạp, luôn biến đổi. Nhận xét trên lại càng đúng đối với NTKHNS. Tính chất phức tạp được thể hiện qua nhiều khía cạnh, trong đó rõ nhất là: hiệu quả quản lý, khai thác nguồn tin này vừa phụ thuộc vào một hệ thống chính sách hợp lý, đồng bộ; đồng thời lại phụ thuộc chặt chẽ vào từng chủ thể tham gia vào mọi khâu của các quá trình nêu trên. Bởi vì nguồn tin này chủ yếu được các cá nhân góp phần tạo ra, và sau đó lại dành cho mỗi cá nhân khai thác, sử dụng. Tính chất phức tạp đó có khi kìm hãm sự phát triển, song mặt khác, nếu được nhận diện và ứng xử một cách hợp lý, lại trở thành tác nhân kích thích sự phát triển. Điều muốn được trình bày chính là: cần làm sao để việc quản lý, khai thác NTKHNS một cách thống nhất sẽ mang lại lợi ích, sẽ bảo đảm quyền lợi cho mỗi cá nhân. Đó là vấn đề vô cùng khó, song vẫn có thể từng bước thực hiện được.

Chính vì thế, việc tăng cường hiệu quả quản lý, khai thác NTKHNS cần sự tham gia của mọi chủ thể có liên quan:

Từ những nhà quản lý-những người trực tiếp hoạch định chính sách; những người tạo ra thông tin cũng đồng thời là người dùng tin; đến đội ngũ cán bộ TT-TV chuyên nghiệp-những người đóng vai trò môi giới giữa người dùng tin với các nguồn thông tin đã được tổ chức thành hệ thống.

Khoảng từ giữa những năm 1990, hoạt động TT-TV ở nước ta đã có những bước phát triển mang tính đột biến. Vai trò đặc biệt mà các cơ quan TT-TV đã tạo được chính là nhờ ở việc các nguồn thông tin, tài liệu mà hệ thống này đã cung cấp cho người đọc. Ngày nay, nhận xét đó chắc là cũng không có mấy đổi khác, có khác chăng chỉ ở sự khác biệt các dạng thức tồn tại có thể có của tài liệu và các cách thức mà người đọc có thể nhận được các nguồn thông tin, tài liệu đó. Lựa chọn nội dung phát triển NTKHNS - bộ phận có ưu thế nhất của mọi tổ chức nghiên cứu, đào tạo làm trung tâm cho các chính sách và chương trình phát triển công tác TT-TV là một sự lựa chọn được hình thành từ quan điểm trên.

Chắc chắn còn rất nhiều vấn đề liên quan đến vấn đề quản lý, khai thác NTKHNS cần trao đổi và nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện hơn. Bởi thế, chúng tôi luôn mong mọi nhận được các ý kiến đóng góp của đông đảo những người quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 159/2004/NĐ-CP của Chính phủ về *Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ*, ngày 31/8/2004.
2. Nghị định số 30/2006/NĐ-CP của Chính phủ về *Thống kê khoa học và công nghệ*, ngày 29/03/2006.
3. *Quy chế công tác văn thư lưu trữ tại Viện KHXH Việt Nam* ban hành cùng Quyết định số 378/2006/QĐ-KHXH do Chủ tịch Viện KHXH Việt Nam ký ngày 8/5/2006.
4. Quyết định số 352/2005/QĐ-KHXH do Chủ tịch Viện KHXH Việt Nam quy định *chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức và bộ máy của Viện Thông tin KHXH*, ngày 30/08/2005.
5. *Quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).
6. Chiến lược tăng cường công tác thông tin KHCN giai đoạn đến năm 2010. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm: Tạ Bá Hưng. H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 1999, 98 tr.
7. Cơ sở khoa học và thực tiễn của việc hiện đại hóa *Hệ thống thông tin KH&CN Quốc gia đáp ứng yêu cầu hội nhập*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Hùng. H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2005, 146tr.
8. Lưu Đan. Thử bàn về các giải pháp phát triển thị trường thông tin. Mạnh Trí dịch từ “Quốc gia thông tin chính sách dữ từ nguồn cộng hưởng”. *Thông tin&Tư liệu*, 2000, số 4, tr.21-26.
9. Nghiên cứu xây dựng khung chính sách quốc gia về thông tin KHCN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm: Nguyễn Hữu Hùng. H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2000, 198tr.

10. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin điều tra cơ bản. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm: Cao Minh Kiểm. H.: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2002.
11. Thực trạng và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác NTKHNS tại Viện KHXH Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Chủ nhiệm: Trần Mạnh Tuấn. H.: Viện Thông tin KHXH, 2006, 158 tr.

12. Tiêu Hy Minh. Chính sách thông tin quốc gia và vấn đề chia sẻ nguồn tài liệu. *Thông tin & Tư liệu*, 2001, số 2, tr.21-25.

(tiếp theo trang 62)

Phần thứ ba giới thiệu các văn bản pháp lý, các chính sách phát triển giáo dục- đào tạo và những quy định đối với nhà giáo hiện hành.

HẢI BÌNH

NGÔ ĐỨC THỊNH. **Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền**. H.: Văn hoá Thông tin, 2007, 495 tr., Vv 7674.

Tác giả Ngô Đức Thịnh là người đã nhiều năm nghiên cứu về văn hoá dân gian. Ông cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố như: *Hát Văn, Đạo Mẫu ở Việt Nam...* Cuốn sách *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền* là tập hợp các bài nghiên cứu trong nhiều năm của tác giả về vấn đề tín ngưỡng, văn hoá dân gian, lễ hội cổ truyền của Việt Nam mà đặc biệt là về đạo Mẫu. Nội dung cuốn sách được chia làm ba phần chính.

Phần thứ nhất gồm 10 bài, nêu khái

quát về tín ngưỡng dân gian các dân tộc ở Việt Nam và đi sâu nghiên cứu một số tín ngưỡng riêng lẻ. Đặc biệt, thông qua các bài nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Tản Viên, Chử đạo Tổ, Bà Chúa Kho, thờ Tà Thần... tác giả đã áp dụng phương pháp phân tích, bóc tách các lớp văn hoá và biểu tượng tiềm ẩn trong mỗi hình thức thờ cúng giúp người đọc thấy rõ, giá trị văn hóa và ý nghĩa của mỗi hình thức tín ngưỡng.

Phần thứ hai gồm 8 bài, đề cập tới các vấn đề tín ngưỡng Thờ Mẫu và nghi lễ Shaman (lên đồng) của người Việt, Chăm và Tày, Nùng.

Phần thứ ba gồm 10 bài viết, tập trung vào vấn đề lễ hội và văn hoá tín ngưỡng. Ngoài ra, phần này còn có một số bài tổng thuật về tình hình nghiên cứu tín ngưỡng, lễ hội ở Việt Nam và nước ngoài.

Cuối sách là danh mục tài liệu tham khảo.

HOÀNG MINH